

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/DS-PT
Ngày: 30/3/2022
V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vân;

Ông Võ Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Tấn Bảo
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 317/2021/DS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Đặng Minh T**, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: Số x, đường G, phường y, Tp M, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Trần Văn C**, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: x đường L, phường t, thành phố A, tỉnh Long An

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông **Nguyễn Văn H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn Đặng Minh T trình bày:

Anh và ông H có quan hệ quen biết khách hàng, vì trước đây ông H có vay tiền ở Ngân hàng nơi anh công tác. Vào năm 2018 thì anh có một hoặc hai lần

cho ông H vay tiền, ông H đã trả nợ đầy đủ nên sau đó ông H có hỏi vay tiền của anh để làm ăn, trả nợ vì vay của cá nhân bên ngoài thì lãi suất cao nên anh tin tưởng và có cho ông H vay 03 lần tiền:

- Lần 1 khoảng giữa tháng 02/2019, ông H có vay của anh số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất từ 3%/tháng, không có làm biên nhận. Thời hạn vay 12 tháng.

- Lần 2 vào đầu tháng 3/2019 ông H tiếp tục vay của anh thêm 300.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng, không có làm biên nhận. Thời hạn vay 12 tháng.

Sau khi nhận tiền, đến ngày 05/3/2019 thì các bên có đến Văn phòng công chứng C làm hợp đồng vay tiền của hai lần trên với số tiền là 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, trong hợp đồng không có thỏa thuận lãi, chỉ thỏa thuận miệng 3%/tháng. Sau khi làm hợp đồng thì ông H có trả lãi đầy đủ đến hết tháng 9/2019 thì không trả lãi nữa.

- Lần 3 vào cuối tháng 4/2019 thì ông H hỏi vay tiếp số tiền 500.000.000 đồng, lãi 3%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Hai bên có đến văn phòng công chứng C để làm hợp đồng vay tiền, đã được công chứng hợp đồng, trong hợp đồng không thỏa thuận lãi, chỉ thỏa thuận miệng 3%/tháng. ông H không trả vốn, có trả lãi đầy đủ đến hết tháng 9/2019.

Từ tháng 10/2019 thì ông H không trả lãi cho anh nữa, anh có tìm ông H đòi tiền vốn và lãi, ông H hứa sẽ trả hết trong năm 2020, tuy nhiên ông H không thực hiện trả.

Đến ngày 30/3/2020 anh có ký giấy ủy quyền cho công ty Cổ phần dịch vụ Đòi nợ Hoàng P để thực hiện việc đòi nợ 900.000.000 đồng (gồm 600.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2019 và 300.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 03/12/2018 số tiền 50.000.000đ và ngày 08/01/2019 số tiền 250.000.000đ). Sau đó Công ty cũng không thu được số tiền nợ nào nên anh đã hủy bỏ hợp đồng ủy quyền với Công ty Hoàng P và khởi kiện ông H.

Ngày 16/11/2020 thì ông H có đến Ngân hàng Đ trả nợ để lấy 02 giấy chứng nhận QSDĐ thế chấp trước đó, anh có gặp ông H và vợ nên anh yêu cầu ông H làm biên nhận nợ, do ông H cho rằng chữ yêu nên anh có làm văn bản đánh máy đọc lại cho vợ chồng ông H nghe và ông H có ký tên thừa nhận nợ 1.200.000.000 đồng (số nợ này gồm tiền vốn là 1.100.00.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền lãi), vợ ông H cũng thống nhất số nợ và hứa sẽ phụ trả nhưng không đồng ý ký tên.

Anh khởi kiện ông H là theo 02 hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2019 số tiền 600.000.000đ và ngày 25/4/2019 số tiền 500.000.000đ, tổng cộng là 1.100.000.000đ. Đối với giấy mượn tiền ngày 03/12/2018 số tiền 50.000.000 đồng và ngày 08/01/2019 số tiền 250.000.000 đồng anh chưa khởi kiện trong vụ án này. Tính đến ngày khởi kiện ông H còn nợ anh tổng cộng tiền vốn 1.100.000.000 đồng và tiền lãi 248.234.000 đồng. Nay anh xác định đây là nợ của riêng ông H, anh yêu cầu ông H trả tiền vốn còn nợ 1.100.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi trên vốn gốc với lãi suất 1,66%/tháng từ tháng 10/2019 đến ngày xét xử.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn C là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Từ năm 2018 thì ông H có vay tiền của anh T nhiều lần với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng, ông H không nhớ có làm biên nhận hay không, được biết số tiền này do anh T vay của những người khác để cho ông H vay lại, anh T lập danh sách những người này và ghi rõ lãi suất để ông H thực hiện việc trả nợ, ông H trả nợ lãi và gốc đầy đủ trực tiếp cho anh T. Tính đến ngày 05/3/2019 thì ông H chỉ còn nợ anh T 600.000.000 đồng nên các bên có đến văn phòng công chứng C làm hợp đồng vay để xác định lại số tiền còn nợ lại từ năm 2018, tuy nhiên hợp đồng không có thỏa thuận lãi, chỉ thỏa thuận miệng là 5%/tháng. Từ ngày làm hợp đồng thì ông H không trả được khoản lãi và vốn nào cho anh T.

Ngoài hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2019 thì ông H xác định có giấy mượn tiền ngày 03/12/2018 và ngày 08/01/2019, tuy nhiên ông H không cung cấp được và không nhớ rõ các khoản vay từ hai giấy mượn tiền này.

ông H thừa nhận có nợ 900.000.000 đồng và ông H đồng ý trả 900.000.000 đồng và xin trả dần 5.000.000 đồng/tháng đến khi hết nợ.

Đối với giấy nhận nợ ngày 16/11/2020 do nguyên đơn cung cấp thì lúc này ông H đã biết anh T khởi kiện ông H tại Tòa án và đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, ông H có gặp anh T đi cùng một số người khác ở Mỹ Tho buộc ông phải ký giấy nhận nợ trên 1.000.000.000 đồng, do đó ông H có ký tên.

Đối với hợp đồng vay tiền ngày 25/4/2019 số tiền 500.000.000đ thì ông H xác định là ông H có ký tên nhưng không có nhận tiền.

Anh T không thừa nhận có nhận 200.000.000 đồng ông H trả, ông H không có giấy tờ gì, như vậy theo hợp đồng vay tiền ngày 05/3/2019 ông H còn nợ 600.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Còn số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 25/4/2019 ông H không có nhận tiền nên ông H không đồng ý trả.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2021/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã Căn cứ Điều 5, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Minh T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho anh Đặng Minh T số tiền **1.550.999.999 đồng**. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông H chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn H phải chịu là 58.529.999 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho anh Đặng Minh T số tiền 26.223.500 đồng theo biên lai số 0003529 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 28 tháng 11 năm 2021, bị đơn Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Xác định ông H chỉ còn nợ ông T số tiền gốc là 700.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật trên số tiền gốc này, đồng thời cho ông H được trả dần số tiền nợ. Ngày 03 tháng 12 năm 2021 ông H có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu đưa Ngân hàng Đ vào tham gia tố tụng và xử vụ án lại từ đầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông C đại diện cho ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên nhận định án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Minh T. Buộc bị đơn Nguyễn Văn H trả cho anh T 1.100.000.000 đồng tiền nợ gốc và 450.999.999 đồng tiền lãi là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 317/2021/DS-ST ngày 17/11/2021 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đối với tài sản QSDĐ ông H thế chấp cho Ngân hàng TMCP B đã bị Tòa sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” là ông H nếu có thiệt hại thì Ngân hàng có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, nghe các đương sự trình bày và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án. Xét thấy:

[1] Ông Nguyễn Văn H thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn H ủy quyền cho ông Trần Văn C làm đại diện tham gia tố tụng, việc ủy quyền được thực hiện đúng quy định tại Điều 85 và 86 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay và tiền lãi phát sinh. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền và phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS và Điều 166, 280, 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết: Nguyên đơn Đặng Văn T trình bày: Anh có cho ông Nguyễn Văn H vay 600.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 05/3/2019 và 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 25/4/2019, tổng cộng 1.100.000.000 đồng lãi suất của 02 hợp đồng vay là 3%/tháng. Sau khi vay ông H trả lãi đến tháng 9/2019 thì ngưng luôn. anh T khởi kiện yêu cầu ông H trả 1.100.000.000 đồng vốn và tính lãi yêu cầu trả lãi 1,66%/tháng từ tháng 10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông Trần Văn C là người đại diện cho ông H trình bày: ông H thừa nhận có vay của anh T tổng cộng 900.000.000 đồng sau khi vay ông H có trả lãi đầy đủ và trả được 200.000.000 đồng vốn nên đồng ý trả 700.000.000 đồng còn nợ và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Buộc ông H trả cho anh T 1.100.000.000 đồng và 450.999.999 đồng tiền lãi. Không đồng ý quyết định án sơ thẩm ông H kháng cáo.

[4] Qua kiểm tra tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có kháng cáo nhận thấy:

[4.1] Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử sơ thẩm không có quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội thẩm nhân dân giải quyết vụ án theo Điều 47 BLTTDS quy định.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử ghi Hội thẩm nhân dân:

1/ Lê Văn Minh;

2/ Huỳnh Thị Ngọc Thuận. Xét xử lần một.

Phiên Tòa xét xử lần 2 ghi Hội thẩm nhân dân:

1/ Huỳnh Văn Phóng;

2/ Tạ Công Minh.

[4.2] Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (BPKCTT) số 02/2020/QĐ-BPKCTT ban hành ngày 19/11/2020 áp dụng biện pháp phong tỏa

tài sản của người có nghĩa vụ nhưng không căn cứ khoản 11 Điều 114 và khoản 1 Điều 136 BLTTDS.

Tài sản bị phong tỏa là thửa đất số 2445 tờ bản đồ số 2 diện tích 62,8m²; thửa đất 2447 tờ bản đồ số 2 diện tích 131,9m² và thửa đất 1266 tờ bản đồ số 3 diện tích 678m². Tuy nhiên các thửa đất 2445 tờ bản đồ số 2 diện tích 62,8m² và thửa đất 2447 tờ bản đồ số 2 diện tích 131,9m² đã được bị đơn Nguyễn Văn H cùng vợ là Nguyễn Thị L đã ký hợp đồng thế chấp cho ngân hàng TMCP B (Liên Việt Post Bank) Chi nhánh Tiền Giang, phòng giao dịch Châu Thành vào ngày 16/11/2020 (Bút lục số 85). Trước khi có quyết định áp dụng BPKCTT của Tòa án 03 ngày và tài sản thế chấp đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai (CN VP ĐKĐĐ) huyện C, tỉnh Tiền Giang chứng nhận việc thế chấp bằng QSDĐ vào ngày 17/11/2020 (bút lục số 100). Thế nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị L và Ngân hàng Liên Việt vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng với khoản 4 Điều 68 BLTTDS.

Trong Bản án và bút ký phiên tòa không đề cập gì về việc áp dụng BPKCTT nhưng phần quyết định của bản án ghi tiếp tục duy trì BPKCTT tại quyết định số 02/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19/11/2020 của TAND huyện C. Làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L và Ngân hàng TMCP Liên Việt

[5] Về nội dung: Trước khi khởi kiện tại Tòa án nguyên đơn Đặng Minh T có làm giấy ủy quyền vào ngày 30/3/2020 cho Công ty Cổ phần Dịch vụ đòi nợ Hoàng P để đòi nợ ông Nguyễn Văn H số tiền 900.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 03/12/2018, ngày 08/01/2019 và hợp đồng vay ngày 05/03/2019 (Bút lục số 61). Công ty cổ phần dịch vụ đòi nợ Hoàng P cũng đã phát thông báo đòi nợ theo giấy ủy quyền cho Nguyễn Văn H (Bút lục số 59). Việc anh T ủy quyền cho Công ty cổ phần dịch vụ đòi nợ Hoàng P đòi nợ ông H kết quả ra sao chưa thấy hai bên thanh lý bằng văn bản mà chỉ có anh T gửi văn bản đề nghị Công ty cổ phần dịch vụ đòi nợ Hoàng P thanh lý vào ngày 21/11/2020 (Bút lục số 103). Sau ngày anh T khởi kiện được Tòa sơ thẩm thụ lý vào ngày 13/11/2020.

Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn C là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H trình bày ông H thừa nhận chỉ nợ anh T 900.000.000 đồng, ông H có trả cho anh T 200.000.000 đồng chỉ còn nợ 700.000.000 đồng.

Tại Tòa sơ thẩm anh T thừa nhận ông H có trả cho anh 200.000.000 đồng nhưng trả khoản nợ khác không có giấy tờ (Bút lục số 118). Tòa sơ thẩm không kiểm tra xem 200.000.000 đồng đó anh T nhận ngày tháng năm nào và từ những khoản nợ cụ thể nào và tại phiên tòa phúc thẩm anh T cũng thừa nhận ông H có trả cho anh 200.000.000 đồng nhưng không phải của khoản nợ 1.100.000.000 đồng, còn khoản nào thì anh không nhớ.

[6] anh T cho rằng anh kiện đòi ông H trả nợ theo hợp đồng ngày 05/03/2019 là 600.000.000 đồng và hợp đồng ngày 25/04/2019 là 500.000.000 đồng nhưng phía ông H không thừa nhận có nhận 500.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 25/04/2019. Nên sau đó anh T quay sang đòi ông H trả 1.100.000.000 đồng tiền vốn theo giấy nợ ngày 16/11/2020. Nhưng giấy mượn nợ này ghi 1.200.000.000 đồng. anh T giải thích giấy nợ ghi 1.200.000.000 đồng là 1.100.000.000 đồng vốn và 100.000.000 đồng là tiền lãi nhưng nội dung giấy ghi nợ thể hiện “số tiền còn đang nợ là 1.200.000.000 đồng. Đây là số tiền vốn gốc. Riêng tiền lãi (Theo lãi suất thỏa thuận) thì chưa đóng cho anh T từ tháng 10/2019 cho đến nay” (Bút lục số 66). Vấn đề này cũng chưa được làm rõ được bản chất sự thật của vụ việc.

[7] Qua phân tích diễn biến của vụ án xét thấy Tòa sơ thẩm còn vướng nhiều sai sót nghiêm trọng cả về trình tự, thủ tục tố tụng và nội dung vụ án mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Vì vậy, cần phải hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng luật định.

Do hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án huyện giải quyết lại nên chưa xét đến yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

[8] Về án phí DSPT ông H không phải chịu; án phí DSST được xem xét lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về ý kiến nhận xét và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với tài liệu chứng cứ của vụ án nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310, 313 và khoản 3 Điều 148 của BLTTDS;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 317/2021/DS-ST ngày 17/11/2021 của TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đúng luật định.

2/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H không phải chịu.

Trả lại ông Nguyễn Văn H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003726 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải